

Số: 595/CBTT-GTCB

Cao Bằng, ngày 28 tháng 4 năm 2023

V/v CBTT Biên bản và Nghị quyết
ĐHĐCĐ thường niên năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên tổ chức: Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Mã chứng khoán: CBI

Địa chỉ trụ sở chính: Số 052 Kim Đồng, p.Hợp Giang, tp.Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Địa chỉ liên hệ: Km7, QL4A, xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Điện thoại: 0206 3953 369

- Fax: 0206 3953 268.

E-mail: gangthepcb@gmail.com

Nội dung thông tin công bố: Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty (<https://gtcb.com.vn>) vào ngày 28/4/2023.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP.

Tài liệu đính kèm:

- Biên bản ĐHĐCĐ 2023;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ 2023.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Văn Phương

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng sửa đổi, bổ sung lần thứ tư được ban hành kèm theo Quyết định số 856/QĐ-GTCB ngày 21/7/2021 của Hội đồng quản trị Công ty CP Gang thép Cao Bằng;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng ngày 27 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả SXKD, ĐTXD, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022, Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2023 của Công ty CP Gang thép Cao Bằng, với các chỉ tiêu chính như sau:

1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu SXKD, ĐTXD chủ yếu năm 2022:

- Doanh thu: 2.133 tỷ đồng bằng 60%KH năm; 101%KHĐC;
- Lợi nhuận trước thuế: 6,09 tỷ đồng bằng 6%KH năm; 122%KHĐC;
- Lợi nhuận sau thuế: 7,7 tỷ đồng bằng 9%KH năm; 74%KHĐC;
- Nộp ngân sách: 61,8 tỷ đồng bằng 67%KH năm; 124%KHĐC;
- Tổng quỹ tiền lương: 95 tỷ đồng bằng 82,61%KH năm; 99,84%KHĐC;
- Tiền lương bình quân: 10,15 tr.đ/ng-thg bằng 88%KHN; 99,51%KHĐC;
- Phôi thép sản xuất: 145.006 tấn bằng 66%KH năm; 103%KHĐC;
- Phôi thép tiêu thụ: 140.311 tấn bằng 62%KH năm; 101%KHĐC;
- Đầu tư xây dựng: 5,57 tỷ đồng bằng 27,35%KH năm.

2. Chỉ tiêu Kế hoạch SXKD, ĐTXD chủ yếu năm 2023:

- Doanh thu: 3.413,3 tỷ đồng bằng 160% so với TH năm 2022;
- Lợi nhuận trước thuế: 50,2 tỷ đồng bằng 826% so với TH năm 2022;
- Lợi nhuận sau thuế: 47,7 tỷ đồng bằng 616% so với TH năm 2022;
- Nộp ngân sách: 91,05 tỷ đồng bằng 147% so với TH năm 2022;
- Tổng quỹ lương: 112,8 tỷ đồng bằng 119% so với TH năm 2022;
- Tiền lương bình quân: 11,75 tr.đồng/ng-tháng bằng 116% so với TH năm 2022;
- Phôi thép sản xuất: 220.000 tấn bằng 152% so với TH năm 2022;

- Phôi thép tiêu thụ: 230.000 tấn bằng 164% so với TH năm 2022;
- Đầu tư xây dựng: 24,6 tỷ đồng bằng 441% so với TH năm 2022.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch, căn cứ vào tình hình thực tế, biến động giá cả của thị trường chủ động điều chỉnh kế hoạch phù hợp nhằm đảm bảo được mục tiêu kế hoạch lợi nhuận, duy trì sản xuất ổn định, bảo toàn và phát triển vốn.

Điều 2. Thông qua Báo cáo của HĐQT thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2022 và kế hoạch năm 2023.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

Điều 5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023. (Có bảng phân phối lợi nhuận kèm theo)

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 12,209 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế năm 2022: 7,749 tỷ đồng
- Lợi nhuận phân phối kỳ này: 5 tỷ đồng
 - + Trích quỹ khen thưởng: 2 tỷ đồng
 - + Trích quỹ phúc lợi: 3 tỷ đồng
- Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối: 7,209 tỷ đồng.

Theo kế hoạch trình thông qua, dự kiến lợi nhuận sau thuế năm 2023 của Công ty là 47,771 tỷ đồng. Năm 2023 Công ty không chia cổ tức, chỉ trích lập một phần lợi nhuận sau thuế các quỹ, phần còn lại toàn bộ lợi nhuận dùng để thực hiện duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh khu Bắc mỏ sắt Nà Rạ.

Điều 6. Thông qua việc thực hiện chi trả thù lao của HĐQT, BKS Công ty năm 2022 và kế hoạch năm 2023.

6.1. Thực hiện chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2022:

Thù lao của Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Trưởng BKS, TV Ban KS không chuyên trách chi trả bằng 20% mức tiền lương thực hiện của người quản lý Công ty chuyên trách:

TT	Chức danh	Mức tiền lương xác định thù lao thực hiện đồng/ng/tháng	Tỷ lệ	Số người	Tiền thù lao (đ/người/th)	Tiền thù lao (đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	20%	01	7.200.000	86.400.000
2	Thành viên HĐQT	30.000.000	20%	04	6.000.000	288.000.000
3	Trưởng BKS	30.000.000	20%	01	6.000.000	72.000.000
4	Thành viên BKS	28.000.000	20%	02	5.600.000	134.400.000
	Cộng			08		580.800.000



6.2. Kế hoạch chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2023:

Thù lao của Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Trưởng BKS, TV Ban KS không chuyên trách tạm tính bằng 20% mức tiền lương kế hoạch của người quản lý Công ty chuyên trách:

TT	Chức danh	Mức tiền lương xác định thù lao kế hoạch đồng/ng/tháng	Tỷ lệ	Số người	Tiền thù lao (đ/người/th)	Tiền thù lao (đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	20%	01	7.200.000	86.400.000
2	Thành viên HĐQT	30.000.000	20%	04	6.000.000	288.000.000
3	Trưởng BKS	30.000.000	20%	01	6.000.000	72.000.000
4	Thành viên BKS	28.000.000	20%	02	5.600.000	134.400.000
	Cộng			08		580.800.000

Mức thù lao trên chỉ là dự kiến, mức thực tế chi trả cho HĐQT và BKS sẽ được xác định dựa vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty.

Điều 7. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban kiểm soát làm đầu mối phối hợp với Công ty lựa chọn một trong số các đơn vị kiểm toán sau để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty:

- Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA);
- Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt (NVT);
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (CPA VIETNAM).

Điều 8. Thông qua Hợp đồng kinh tế mua/bán phôi thép năm 2023-2024 với Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

Hợp đồng kinh tế được ký kết trên cơ sở Điều lệ Công ty và nguyên tắc công khai, minh bạch, giá thị trường. Đại hội đồng cổ đông giao Giám đốc Công ty phê duyệt kế hoạch và phương thức tiêu thụ sản phẩm, ký kết, thực hiện Hợp đồng kinh tế mua bán phôi thép năm 2023-2024 với Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty, quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. (Có dự thảo Hợp đồng kèm theo)

Điều 9. Thông qua Phương án sản xuất, khai thác khu Bắc Mỏ sắt Nà Rạ

(1) Chi phí thực hiện khu Bắc:

DVT: đồng

STT	Chi phí thực hiện khu Bắc	Thành tiền	Ghi chú
A	Chi phí GPMB khu Bắc + Bãi thải	826.724.495.564	
B	Khoản chi phí Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng hỗ trợ bằng tiền (GPMB - TDC do tỉnh Cao Bằng làm chủ đầu tư)	50.232.932.000	Tổng mức Dự toán dự kiến thực hiện là 282 tỷ đồng
C	Chi phí Bóc đất đá	249.386.804.681	
D	Các hạng mục phụ trợ	15.878.916.314	
	Tổng cộng	1.142.223.148.559	

(2) Nguồn vốn: Vốn tự có + Vốn vay Thương mại hoặc/và Nguồn vốn khác.

(3) Đơn vị thực hiện/chủ đầu tư: Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

(Có phương án chi tiết kèm theo).

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty trong quá trình triển khai thực hiện Phương án sản xuất, khai thác khu Bắc Mỏ sắt Nà Rựa căn cứ vào tình hình tài chính, tình hình thực tế của Công ty triển khai thực hiện đảm bảo mục tiêu sản xuất kinh của Công ty và theo đúng quy định. Hội đồng quản trị Công ty được quyết định những vấn đề liên quan để triển khai Phương án sản xuất, khai thác khu Bắc Mỏ sắt Nà Rựa và báo cáo kết quả thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm cho đến khi thực hiện xong.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ 17 giờ 00 phút ngày 27/4/2023.

3. Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và toàn thể Cổ đông Công ty có trách nhiệm triển khai thực hiện theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty (website);
- UBCKNN, HNX (b/c);
- HĐQT, BKS;
- BDH;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



CHỦ TỌA

Bùi Tiến Hải





**BẢNG DỰ KIẾN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, VỐN CHỦ SỞ HỮU
ĐẾN NGÀY 31/12/2022**

STT	Nội dung	Tỷ lệ (%)	Số tiền dự kiến (Đồng)
I	Phân phối lợi nhuận		
1	Tổng Lợi nhuận trước thuế (dự kiến)	x	6.089.635.013
2	Các khoản không được trừ khi tính thuế TNDN (nếu có)		19.825.930.799
3	Thu nhập chịu thuế TNDN	x	25.915.565.812
4	Tổng số thuế TNDN phải nộp		(1.659.589.585)
	- Trong đó: Thuế TNDN hiện hành		5.183.113.162
	- Thuế TNDN được miễn, giảm		758.192.425
	- Điều chỉnh thuế TNDN năm trước		(6.084.510.322)
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		12.209.402.966
	Trong đó: a/ Lợi nhuận sau thuế năm 2022	x	7.749.224.598
	b/ LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	x	4.460.178.368
6	Thuế TNDN phải thu của Nhà nước		1.659.589.585
7	Trả cổ tức		-
	- Vốn điều lệ (430,063 tỷ trong đó: Vimico 52,53%, cổ đông khác 47,47%)	x	-
	- Tỷ lệ chia cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:		-
	Dự kiến phân chia cổ tức:		-
8	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để lại	x	5.549.813.381
9	Lợi nhuận dự kiến phân phối: 9=(5)-(6)-(8)	x	5.000.000.000
a	Trích thưởng Ban quản lý điều hành (theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ của HĐQT, BĐH)		
b	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (theo kết quả phân loại doanh nghiệp và quỹ lương BQ tháng)		5.000.000.000
	+ Trong đó quỹ khen thưởng	40%	2.000.000.000
	+ Quỹ phúc lợi	60%	3.000.000.000
II	Một số chỉ tiêu làm cơ sở tính toán:		
1	Số liệu trước khi phân phối lợi nhuận năm nay:		
	- Số dư quỹ bổ sung vốn điều lệ	x	
	- Số dư quỹ dự phòng tài chính	x	
	- Số dư quỹ đầu tư phát triển	x	
	- Quỹ lương bình quân 1 tháng của doanh nghiệp thực hiện trong năm báo cáo	x	7.917
2	Một số chỉ tiêu đánh giá theo quyết định số 224/ 2006/QĐ-TTg và Thông tư 115/2007/TT-BTC		
2.1	Công ty tự xếp loại doanh nghiệp (A,B,C)	x	C
2.2	Công ty tự xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của HĐQT, BGD (hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ)	x	Hoàn thành Tốt nhiệm vụ
III	Vốn chủ sở hữu sau khi phân phối lợi nhuận năm nay (Đã bao gồm phần bổ sung từ phân phối lợi nhuận dự kiến năm nay):		
	Vốn chủ sở hữu đến ngày 31/12/ năm báo cáo:		
	- Vốn điều lệ	x	430.063.660.000
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	x	5.549.813.381
	- Quỹ đầu tư phát triển	x	-

DƯ THẢO

**HỢP ĐỒNG KINH TẾ
MUA BÁN PHÔI THÉP NĂM 2023-2024
Số: /HĐKT/2023**

Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ban hành ngày 14/6/2005, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-VIMICO ngày / /2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 - Tổng Công ty Khoáng sản TKV-CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-ĐHĐCĐ ngày / /2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 - Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng;

Căn cứ khả năng và nhu cầu của các bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2023, tại trụ sở Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP, chúng tôi gồm:

Bên bán: CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG (Bên A)

Địa chỉ: Số 052 Phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, TP. Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam.

Điện thoại: 0206.3953.369 Fax: 0206.3953.268

Mã số thuế: 4800162247

Tài khoản số: 33010000017892, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Cao Bằng.

Đại diện: Ông Nguyễn Văn Phương Chức vụ: Giám đốc

Bên Mua: TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP (Bên B)

Địa chỉ: 193 Nguyễn Huy Tường, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại : 024.6285.6561

Fax: 024.6285.6512

Mã số thuế: 0100103087.

Tài khoản: 16010000073585, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 3.

Đại diện : Ông Trịnh Văn Tuệ

Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng kinh tế mua bán phôi thép (sau đây gọi là "Hợp đồng") với các điều kiện và điều khoản sau:

Điều 1. Tên hàng hóa mua bán

Phôi thép các loại, sản xuất tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng.

Điều 2. Quy cách, chất lượng hàng hóa

2.1. Quy cách hàng hóa: Phôi vuông, dạng hàng rời không bao bì.

Kích thước các cạnh: 150 mm x 150 mm.

Dung sai kích thước: +/- 5 mm

Chiều dài: Theo đơn đặt hàng của bên B, nhưng không quá 6.330 mm.

Dung sai chiều dài: +/- 100 mm

Sai khác đường chéo: Tối đa 10 mm.

Bán kính góc lượn hoặc vát góc: $R \leq 15$ mm.

Tổng độ cong: Tối đa 10 mm/mét.

Độ xoắn: Tối đa 01 độ/mét.

Điều kiện bề mặt: Không cong vênh, vết nứt, vết gấp, không bị rỉ với lỗ khí quá 2mm. Hai đầu phôi không bị co. Bề mặt sạch, không bám vảy sắt.

Đánh dấu, ghi mã số: Theo quy định của nhà sản xuất. Bên A ghi rõ số lô, số mẻ luyện trên từng thanh phôi thép để tạo thuận lợi cho Bên B khi kiểm tra chất lượng lô hàng.

(Quy cách hàng hóa thực tế có thể có thay đổi so với quy cách hàng hóa công bố trong Hợp đồng, tùy từng Phụ lục hợp đồng.)

2.2. Chất lượng hàng hóa:

Theo đơn đặt hàng của Bên B và được Bên A chấp nhận, trên cơ sở các tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga, Hoa Kỳ, Đức, Ý, Pháp, Anh, EU hoặc các tiêu chuẩn đang áp dụng khác cho từng mác thép cụ thể; tối thiểu 01 tháng trước ngày giao hàng sớm nhất và được quy định cụ thể theo từng Phụ lục hợp đồng.

Điều 3. Số lượng hàng hóa, đơn giá, giá trị và phương thức tiêu thụ.

3.1. Số lượng hàng hóa

Tổng khối lượng phôi thép mua bán: **220.000 tấn ± 5%** (Hai trăm hai mươi nghìn tấn cộng/trừ năm phần trăm).

Số lượng/khối lượng Phôi thép trên đây được hiểu là số lượng/khối lượng phôi thép các loại và/hoặc nước gang lỏng của bên A được sản xuất tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng. Bên B được bảo đảm quyền mua/tiêu thụ đối với số lượng/khối lượng trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Khoản 9.1, Điều 9 Hợp đồng này. Trường hợp bên B mua gang lỏng thì sản lượng phôi thép sẽ giảm tương ứng với số lượng gang lỏng được mua bán.

3.2. Đơn giá:

Đơn giá tạm tính của Hợp đồng: **15.000.000 đồng/tấn.**

Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng trên tấn.

Đơn giá chính thức (Poff): Theo giá thị trường, phù hợp với Quy chế, Quy trình được thống nhất giữa hai bên hàng năm và được quy định chi tiết theo từng đơn đặt hàng trong các Phụ lục hợp đồng kèm theo.

Các mức đơn giá trên được hiểu là chưa bao gồm thuế VAT, các loại thuế, phí và lệ phí khác (nếu có).

Trường hợp bên B mua gang lỏng của bên A thì đơn giá mua bán được xác định theo thỏa thuận riêng tại Phụ lục hợp đồng.

3.3. Giá trị tạm tính của Hợp đồng:

Giá trị hàng hóa chưa VAT: $220.000 \text{ tấn} \times 15.000.000 \text{ đ/tấn} = 3.300 \text{ tỷ đồng}$

Thuế VAT 10% = 330 tỷ đồng

Tổng giá trị tạm tính Hợp đồng = 3.630 tỷ đồng

Bằng chữ: Ba nghìn sáu trăm ba mươi tỷ đồng.

Các giá trị trên đây là giá trị tạm tính của Hợp đồng, giá trị chính thức của Hợp đồng được xác định cụ thể theo khối lượng giao nhận chính xác và đơn giá chính thức của từng Phụ lục Hợp đồng.

3.4 Phương thức tiêu thụ

- Phương thức tiêu thụ được thực hiện theo Quy định quy trình về việc tiêu thụ sản phẩm phôi thép thông qua Tổng Công ty Khoáng sản - TKV ban hành kèm Quyết định số 722/QĐ-GTCB ngày 20/07/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng.

- Mọi điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) đối với Quy định về quy trình về việc tiêu thụ sản phẩm phôi thép thông qua Tổng Công ty Khoáng sản - TKV này phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên B và được thống nhất trong phụ lục Hợp đồng trên cơ sở đảm bảo hài hòa lợi ích của hai bên.

Điều 4. Thời gian/Phương thức giao nhận hàng hóa

4.1. Thời gian giao nhận hàng: Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng.

4.2. Phương thức giao nhận:

Hàng hóa trong Hợp đồng được giao nhận thành một (01) hoặc nhiều lô hàng trên phương tiện vận tải của Bên B (hoặc của người nhận hàng theo chỉ định của Bên B) đến kho Bên A tại địa chỉ Nhà máy Gang thép Cao Bằng - Km 7, Quốc lộ 4A, xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Khối lượng giao nhận mỗi lô hàng không dưới 1.000 tấn \pm 5% (hoặc lượng hàng mua bán, nếu số lượng đặt hàng dưới 1.000 tấn). Chi phí nâng hàng từ kho bãi của Bên A lên phương tiện vận tải của bên nhận hàng do Bên A chịu.

4.3. Kế hoạch giao nhận hàng hóa:

Hai bên thống nhất cụ thể khối lượng và lịch giao nhận mỗi lô hàng ít nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước khi tiến hành giao nhận lô hàng đó. Trước khi giao hàng ít nhất 02 (hai) ngày Bên B thông báo cho Bên A biết số lượng hàng hóa sẽ giao nhận bằng Lệnh xuất kho cho người nhận hàng theo chỉ định của Bên B.

4.4. Xác nhận khối lượng:

Khối lượng hàng được xác định thực tế qua cân điện tử tại nơi giao nhận, hoặc là tại kho của Bên A hoặc tại điểm giao nhận khác khi có thỏa thuận. Bên B cử cán bộ của mình (hoặc đại diện có thẩm quyền nhận hàng theo chỉ định của Bên B trong Lệnh xuất kho) đến địa điểm giao nhận hàng để phối hợp với Bên A theo dõi, thống kê và lập Biên bản giao nhận hàng hóa. Biên bản giao nhận hàng hóa thể hiện rõ số lượng thanh phôi thép; khối lượng từng thanh phôi cho từng xe hàng và tổng khối lượng thực tế của lô hàng.

Khi giao nhận hàng, hai bên xác nhận tổng khối lượng của mỗi xe hàng/mỗi lô hàng bằng phương pháp cộng (+) khối lượng của từng thanh phôi được ghi theo từng mã kiện hàng (các kiện hàng đã được đánh dấu, ghi mã số và cân trước tại Nhà máy sản xuất của Bên A) cho từng xe hàng cho toàn bộ lô hàng. Tổng khối lượng của mỗi xe hàng/mỗi lô hàng phải được thể hiện chi tiết trong Biên bản giao nhận giữa hai bên.

Khối lượng chính thức để hai bên thanh quyết toán giá trị mỗi lô hàng là tổng khối lượng hàng hóa được xác định thực tế qua cân điện tử tại nơi giao nhận cho lô hàng đó.

4.5. Xử lý chênh lệch khối lượng:

Bên B (hoặc người nhận hàng theo chỉ định của Bên B) có thể kiểm tra khối lượng từng thanh phôi và/hoặc tổng khối lượng mỗi xe hàng/lô hàng ngay tại địa điểm giao nhận hàng. Trong trường hợp phát hiện có sự sai lệch lớn về khối lượng/tổng khối lượng (vượt quá dung sai $\pm 2\%$) so với khối lượng/tổng khối lượng đã xác định trước của Bên A thì Bên B (hoặc người nhận hàng theo chỉ định của Bên B) phải giữ nguyên hiện trạng của hàng hóa và thông báo ngay cho Bên A biết để cùng kiểm tra xử lý.

Điều 5. Tạm ứng Hợp đồng

Giá trị tạm ứng tối đa là: $3.630 \text{ tỷ đồng} \times 20\% = 726 \text{ tỷ đồng}$ (Bảy trăm hai mươi sáu tỷ đồng) tương ứng 20% giá trị tạm tính của Hợp đồng bao gồm cả thuế GTGT bằng hình thức chuyển khoản.

Việc tạm ứng của Bên B cho Bên A được thực hiện theo quyết định của Bên B, bằng hình thức chuyển khoản; trên cơ sở xem xét, phê duyệt tạm ứng của Bên A.

Điều 6. Phương thức, hình thức thanh, quyết toán

Tùy theo từng đơn đặt hàng cụ thể của Bên B, hai bên sẽ thống nhất phương thức thanh toán là “thanh toán sau khi giao nhận hàng hóa”, “thanh toán bằng đối trừ công nợ” “hoặc thanh toán bằng tín dụng thư”.

6.1. Thanh toán sau khi giao nhận hàng hóa:

Tùy theo từng đơn đặt hàng cụ thể của Bên B, hai bên sẽ quy định về số ngày thanh toán chậm trả tối đa cho mỗi đơn hàng trong từng Phụ lục hợp đồng, trên cơ sở không tính lãi cho từng lô hàng giao nhận kể từ ngày hoàn thành giao nhận lô hàng đó.

Ngày hoàn thành giao nhận lô hàng được tính là ngày thứ nhất để tính toán ngày đáo hạn thanh toán giá trị chính thức. Nếu ngày đáo hạn thanh toán trùng vào ngày lễ hay ngày nghỉ thì ngày cuối cùng Bên B phải thanh toán là ngày làm việc ngay trước liền kề.

6.2. Thanh toán bằng đối trừ công nợ:

Tùy theo từng đơn đặt hàng cụ thể của Bên B, trên cơ sở số dư công nợ giữa hai bên vào thời điểm Bên B đặt hàng và giá cả hàng hóa trên thị trường cùng thời điểm đó, hai bên sẽ quy định cụ thể về phương thức “thanh toán bằng đối trừ công nợ” trong từng Phụ lục hợp đồng.

Ngày lập và ký kết Biên bản quyết toán sau khi hoàn thành giao nhận lô hàng được tính là ngày để hai bên xác lập sự thay đổi số dư công nợ đã phát sinh từ việc Bên A giao lô hàng hóa đó cho Bên B.

6.3. Thanh toán bằng tín dụng thư:

Tùy theo từng đơn đặt hàng cụ thể của Bên B, trên cơ sở hạn mức tín dụng khả dụng của Bên B, hai bên sẽ quy định cụ thể về phương thức “thanh toán bằng tín dụng thư” trong từng Phụ lục hợp đồng.

Ngày lập và ký kết Biên bản quyết toán sau khi hoàn thành giao nhận lô hàng được tính là ngày đầu tiên để hai bên xác lập ngày đáo hạn thanh toán theo tín dụng thư, với số ngày chậm trả từ 0 tới 180 ngày.

Yêu cầu chứng của thư tín dụng (L/C thanh toán):

- Thư tín dụng do một ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.
- Loại thư tín dụng: Không hủy ngang, trả ngay hoặc chậm trả.

- Giao hàng từng phần: Cho phép.
- Nơi giao hàng/Nơi nhận hàng: Cao Bằng và/hoặc địa điểm giao hàng khác theo thỏa thuận giữa 2 bên bằng văn bản.
- Có giá trị thương lượng tại bất kỳ ngân hàng nào tại Việt Nam.
- Các nội dung khác của thư tín dụng phải được bên A kiểm tra, xác nhận hoặc là bằng văn bản hoặc là bằng e-mail với bên B trước khi phát hành.
- Trường hợp có bất kỳ thay đổi nào đối với Yêu cầu chung với thư tín dụng thì Bên A sẽ thông báo cho Bên B các nội dung của thay đổi đó đối với Yêu cầu chung của thư tín dụng bằng văn bản trong vòng (năm) ngày làm việc trước ngày phát hành Thư tín dụng.

6.4. Biên bản quyết toán, hóa đơn giá trị gia tăng:

6.4.1. Thời hạn lập và ký kết Biên bản quyết toán: Trong vòng 02 (hai) ngày làm việc sau khi hai bên hoàn thành việc giao nhận mỗi lô hàng.

6.4.2. Hóa đơn giá trị gia tăng:

Bên A xuất hóa đơn giá trị gia tăng chính thức và hoặc hóa đơn giá trị gia tăng tạm tính cộng (+) hóa đơn giá trị gia tăng điều chỉnh cho Bên B ngay sau khi hai bên lập và ký kết Biên bản quyết toán, theo khối lượng hàng thực tế (Q_{act}) đã giao nhận.

6.4.3. Giá trị của lô hàng:

Giá trị chính thức (V_{off}) của mỗi lô hàng đã giao nhận được tính theo công thức sau:

$$V_{off} = Q_{act} \times P_{off} \times 1,1$$

6.5. Tạm ứng tiền hàng:

Bên A được quyền đề nghị tạm ứng tiền hàng, đảm bảo tuân thủ các điều kiện sau:

- Tỷ lệ tạm ứng tiền hàng: Theo đề nghị của Bên A từng thời điểm, nhưng phải đảm bảo số dư tạm ứng ở bất kỳ thời điểm nào trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực đều không vượt quá Giá trị số dư tạm ứng tối đa quy định tại Điều 5 Hợp đồng.

- Chiết khấu ứng trước tiền hàng bằng lãi suất vay ngắn hạn của VCB cho Bên B vay từng thời kỳ.

- Số tiền tạm ứng này được Bên B trừ dần vào giá trị tiền hàng mà Bên B có nghĩa vụ thanh toán cho Bên A khi Bên A xuất bán hàng hóa thuộc Hợp đồng cho Bên B bằng hình thức “thanh toán bằng bù trừ công nợ” quy định tại Khoản 6.2 Điều 6 Hợp đồng.

- Số dư tạm ứng của Bên A (nếu có) tại thời điểm chấm dứt hiệu lực của Hợp đồng theo quy định tại Khoản 9.1 Điều 9 Hợp đồng được tự động chuyển thành số dư tạm ứng đầu kỳ của hợp đồng mua bán phôi thép năm kế tiếp giữa hai bên.

6.6 Bộ chứng từ thanh toán:

Bộ chứng từ thanh toán theo các phương thức bao gồm:

- Bản in hóa đơn GTGT điện tử hoặc bản in hóa đơn điện tử chuyển đổi được kỳ bởi người chuyển đổi và đóng dấu.

- Biên bản giao nhận hàng hóa hoặc Biên bản tổng hợp nghiệm thu khối lượng tiêu thụ phôi thép ký giữa hai bên.

6.7 Tài khoản của bên A:

- + 33010000017892, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, CN Cao Bằng.

- + 35256660666666, tại Ngân hàng TMCP Quân đội, CN Hoàn Kiếm.

- + 39476789, tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank).

6.8. Chi phí liên quan:

Toàn bộ các chi phí và/hoặc phí ngân hàng để chuyển tiền thanh toán thuộc trách nhiệm của bên nào do bên đó chịu.

Điều 7. Giám định, xác định chất lượng và bảo hành hàng hóa

7.1. Giấy chứng nhận chất lượng:

Bên A cung cấp cho Bên B (hoặc người nhận hàng theo chỉ định của Bên B) toàn bộ các giấy chứng nhận chất lượng (*Mill test*) của Nhà máy sản xuất cho từng lô hàng ngay sau khi hoàn thành giao nhận lô hàng đó. Trường hợp đơn đặt hàng của Bên B có yêu cầu về giám định chất lượng bổ sung bởi một trong các cơ quan giám định độc lập đang hoạt động tại Việt Nam phải do Bên A thực hiện trước khi giao hàng thì chi phí cho công tác giám định này do Bên A chịu.

7.2. Giám định lại và Quy trình giải quyết khiếu nại chất lượng:

7.2.1. Giám định lại:

Bên B (hoặc người nhận hàng theo chỉ định của Bên B) có quyền tự giám định lại hoặc yêu cầu một tổ chức giám định độc lập đang hoạt động tại Việt Nam giám định lại chất lượng hàng hóa tại địa điểm nhận hàng hoặc tại kho bãi của mình, theo quy trình lấy mẫu và giám định của họ. Bên B chịu mọi chi phí liên quan tới công tác giám định lại này.

7.2.2. Quy trình giải quyết khiếu nại chất lượng:

Nếu có sai khác về chất lượng thì Bên B phải gửi văn bản khiếu nại chất lượng cho Bên A kèm theo chứng thư/báo cáo giám định lại của tổ chức giám định độc lập (hoặc kết quả tự giám định lại) trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày hai bên hoàn thành giao nhận lô hàng. Quá thời hạn trên mà Bên B không có văn bản khiếu nại thì coi như Bên B công nhận chất lượng hàng hóa phù hợp với giấy chứng nhận chất lượng (*Mill test*) của Nhà máy sản xuất của Bên A và/hoặc chứng thư/báo cáo giám định của tổ chức giám định độc lập do Bên A mời (nếu có) như quy định tại Khoản 7.1 Điều 7 Hợp đồng.

Bên A có nghĩa vụ giải quyết khiếu nại chất lượng của Bên B trong vòng 05 (năm) ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày Bên A nhận được văn bản khiếu nại của Bên B. Quá thời hạn giải quyết nói trên mà Bên A không xác minh khiếu nại của Bên B thì coi như Bên A đồng ý với khiếu nại của Bên B.

Trường hợp Bên A không đồng ý với khiếu nại chất lượng của Bên B thì Bên A phải ra văn bản thông báo không chấp nhận khiếu nại của Bên B. Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày có văn bản thông báo của Bên A hai bên thống nhất một trong số các cơ quan giám định như quy định tại Khoản 7.3 Điều 7 Hợp đồng để tiến hành lấy mẫu và giám định theo thời gian do cơ quan này chỉ định và theo quy trình của họ, dưới sự chứng kiến và giám sát của hai bên. Kết quả giám định của cơ quan giám định đã lựa chọn là bắt buộc đối với các bên.

Trên cơ sở kết quả giám định chất lượng của cơ quan giám định được hai bên nhất trí lựa chọn này, nếu chứng thư/báo cáo giám định chứng minh có lỗi về hàng hóa thì Bên A phải thanh toán các chi phí giám định liên quan. Ngược lại, nếu chứng thư/báo cáo giám định chứng minh là hàng hóa phù hợp thì các chi phí giám định liên quan do Bên B tự chịu.

7.3. Cơ quan giám định:

62
T
IA
H
IN
CP

Cơ quan giám định độc lập được hai bên nhất trí lựa chọn làm cơ quan giám định chính thức đối với chất lượng hàng hóa (trong trường hợp xảy ra tranh chấp chất lượng hàng hóa) là một trong các đơn vị sau:

a. Trung tâm thử nghiệm - kiểm định công nghiệp thuộc Viện Cơ khí Năng lượng và Mô - Vinacomin (TCVI) - Địa chỉ: số 565, Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

b. Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Vinacontrol Hà Nội (Vinacontrol) - Địa chỉ: Số 96, Yết Kiêu, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

c. Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng – Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1 (Quatest 1) – Địa chỉ: số 8, Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.

7.4. Bên B có quyền trả lại Bên A toàn bộ số phôi thép không đạt chất lượng (nếu có). Bên A có trách nhiệm nhận lại số lượng phôi thép không đạt chất lượng này (nhận hàng trên phương tiện của Bên A tại kho Bên B hoặc tại kho của người nhận hàng theo chỉ định của Bên B).

7.5. Bảo hành hàng hóa: Trong quá trình cán kéo sản phẩm tại nhà máy sản xuất của Bên B (hoặc của khách hàng mua phôi từ Bên B), nếu có hiện tượng vỡ, gãy thanh phôi thì Bên B có trách nhiệm dừng ngay việc sử dụng hàng hóa, giữ nguyên trạng hàng hóa vào thời điểm đó và ngay lập tức thông báo cho Bên A được biết để phối hợp xử lý. Hai bên chủ động gặp nhau vào thời gian thích hợp tại nhà máy sản xuất của Bên B để bàn bạc, thảo luận và thực hiện các giải pháp xử lý vấn đề phát sinh trên tinh thần giảm thiểu tối đa các tổn thất phát sinh cho mỗi bên (nếu có).

7.6. Các văn bản liên quan tới quy trình giải quyết khiếu nại chất lượng được chấp nhận dưới dạng bản fax hay e-mail để kịp thời giải quyết, nhưng bản chính phải được gửi cho bên kia ngay khi có.

Điều 8. Luật điều chỉnh và giải quyết tranh chấp

8.1. Hợp đồng được điều chỉnh theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

8.2. Các trường hợp bất khả kháng của Hợp đồng được thực hiện theo Điều khoản bất khả kháng của Phòng Thương mại Quốc tế (ấn phẩm số 421 của ICC), nếu Điều khoản bất khả kháng này không mâu thuẫn với các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

8.2.1. Các sự kiện bất khả kháng bao gồm, nhưng không chỉ duy nhất các sự kiện như: thiên tai (lũ lụt, động đất, hỏa hoạn, phun trào núi lửa, sóng thần); dịch họa; tội phạm; nổi loạn; khởi nghĩa; nổi dậy; bom mìn còn sót lại sau chiến tranh; khủng bố; hành động của kẻ thù nước ngoài; thù nghịch (có hoặc không có tuyên bố chiến tranh); chiến tranh; sức mạnh quân sự; tiềm nghịch; sung công; quốc hữu hóa; trừng phạt của chính quyền; bao vây; cấm vận; tranh chấp lao động; bãi công; đình công; đóng cửa doanh nghiệp hoặc bất kỳ nguyên nhân nào khác vượt quá sự kiểm soát của các bên.

8.2.2. Không bên nào phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện các nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng khi nguyên nhân của việc không thực hiện đó xuất phát từ hậu quả của sự kiện bất khả kháng. Không bên nào có quyền chấm dứt hợp đồng theo Điều 9 Hợp đồng trong những hoàn cảnh như vậy.

8.2.3. Bất kỳ bên nào đưa ra khẳng định bất khả kháng như là lý do để biện minh cho việc không thực hiện và/hoặc thực hiện không đầy đủ các nghĩa vụ của mình có trách nhiệm trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện bất khả kháng phải

chứng minh bằng văn bản và/hoặc bằng chứng cứ rằng các biện pháp hợp lý đã được thực hiện (tùy theo hoàn cảnh) để giảm thiểu sự chậm trễ hay các tổn thất phát sinh ra từ các sự kiện có thể dự đoán trước, rằng tất cả các bên phận không thể được miễn trách nhiệm đã được thực thi đầy đủ, và bên kia đã được thông báo kịp thời về sự kiện có thể xảy ra hay sự kiện đã xảy ra trên thực tế và chúng là có thể biện minh cho khẳng định như vậy, sao cho các cảnh báo thận trọng khác có thể được coi là đã có.

8.2.4. Trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi sự kiện bất khả kháng qua đi, bên rơi vào tình trạng bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các bổn phận và nghĩa vụ của mình đã quy định trong Hợp đồng.

8.3. Hai bên sẽ chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện Hợp đồng. Nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì vướng mắc thì hai bên sẽ chủ động gặp nhau để bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thỏa thuận, bình đẳng và cùng có lợi.

8.4. Trong trường hợp hai bên không tự giải quyết được thì trong vòng 30 (ba mươi) ngày một trong hai bên có quyền đưa đơn đến tòa án tỉnh Cao Bằng để giải quyết. Phán quyết của tòa án là phán quyết cuối cùng, có hiệu lực đối với cả hai bên và buộc các bên phải tuân thủ. Bên thua phải chịu toàn bộ án phí để giải quyết vụ việc.

Điều 9. Hiệu lực của Hợp đồng và chấm dứt Hợp đồng

9.1. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 30/4/2024 hoặc sau khi hai bên tổ chức xong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 – tùy điều kiện nào đến sau.

9.2. Hợp đồng đương nhiên chấm dứt trong các trường hợp sau:

9.2.1. Khi kết thúc thời hạn hiệu lực quy định tại Khoản 9.1 Điều 9 Hợp đồng hoặc khi các bên hoàn tất mọi nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng.

9.2.2. Khi một trong hai bên chấm dứt hoạt động theo Luật Doanh nghiệp 2020 (hoặc các văn bản pháp quy bổ sung, sửa đổi - nếu có), hoặc khi các bên thỏa thuận bằng văn bản để chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

9.2.3. Hai bên lập và ký kết Biên bản thanh lý Hợp đồng trong vòng 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày Hợp đồng chấm dứt trong trường hợp quy định tại Khoản 9.2 Điều 9 Hợp đồng.

9.3. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng, phạt vi phạm, hủy bỏ Hợp đồng:

9.3.1. Một trong các bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng hoặc hủy bỏ Hợp đồng nếu bên còn lại vi phạm việc thực hiện bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng và không khắc phục vi phạm đó trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày bên bị vi phạm ra văn bản thông báo, trong đó nêu rõ vi phạm đó. Bên vi phạm phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điểm 9.3.3 Khoản 9.3 Điều 9 Hợp đồng và phải chịu phạt vi phạm theo quy định tại Điểm 9.3.4 Khoản 9.3 Điều 9 Hợp đồng. Trong trường hợp này, các bên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho bên kia biết trước thời điểm chấm dứt Hợp đồng ít nhất là 10 (mười) ngày.

9.3.2. Các bên không được phép đơn phương chấm dứt Hợp đồng/hủy bỏ Hợp đồng nếu không phải trường hợp quy định tại Điểm 9.3.1 Khoản 9.3 Điều 9 Hợp đồng. Nếu bên nào đơn phương chấm dứt Hợp đồng/hủy bỏ Hợp đồng trái quy định thì phải

bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại do việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng/hủy bỏ Hợp đồng gây ra cho bên kia.

9.3.3. Nếu một trong hai bên không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm trong Hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt Hợp đồng/hủy bỏ Hợp đồng mà không có lý do chính đáng (lý do bất khả kháng) dẫn đến thiệt hại về kinh tế cho bên kia thì phải chịu bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại đó do việc không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm trong Hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt Hợp đồng/hủy bỏ Hợp đồng gây ra cho bên kia, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành về bồi thường thiệt hại;

9.3.4. Nếu Bên A không giao hàng hoặc Bên B phát hiện thấy hàng hóa giao không đủ số lượng đã ghi trong Hợp đồng (hoặc theo kế hoạch để trả nợ/hoàn tạm ứng hàng năm quy định tại Phụ lục hợp đồng) hoặc hàng hoá giao không đạt yêu cầu về chất lượng đã ghi trong Hợp đồng thì Bên A phải thực hiện cấp đủ số lượng hàng còn thiếu và thay thế số hàng hóa không đạt chất lượng, đồng thời bị phạt 3% giá trị phần hàng hóa không đủ số lượng hoặc không đạt yêu cầu chất lượng đó. Đồng thời, bên A đồng ý vô điều kiện cho bên B được cử cán bộ có chuyên môn giám sát vào quá trình sản xuất kinh doanh/tái cấu trúc của bên A để đảm bảo trả nợ/hoàn tạm ứng cho bên B.

Điều 10. Điều khoản chung

10.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong Hợp đồng. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng (nếu có) phải được sự đồng ý bằng văn bản của hai bên.

10.2. Hai bên cam kết có đủ thẩm quyền theo quy định của Pháp luật, quy định nội bộ của hai bên để ký kết Hợp đồng này.

10.3. Tất cả các thông báo theo Hợp đồng phải được gửi theo đường bưu điện, fax hoặc gửi trực tiếp cho đại diện có thẩm quyền của mỗi bên theo địa chỉ ghi trong Hợp đồng.

10.4. Hợp đồng được lập thành 08 (tám) bản bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản để cùng thực hiện.

ĐỂ LÀM BẰNG, các Bên thống nhất ký kết Hợp đồng vào ngày tháng năm ghi tại phần phía trên Hợp đồng này./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Phương

Trịnh Văn Tuệ

**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG**

Hôm nay, vào hồi 13h30" ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường tầng 2 - Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng - Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Địa chỉ: Km7, QL4A, xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng đã được tiến hành với các nội dung sau:

A. TÊN, ĐỊA CHỈ, TRỤ SỞ CHÍNH, MÃ SỐ DOANH NGHIỆP

1. Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 052, phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

3. Mã số Doanh nghiệp: 4800162247 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 18/10/2006, thay đổi lần thứ 10 ngày 10/6/2022.

B. THÀNH PHẦN THAM DỰ, TÍNH HỢP PHÁP, HỢP LỆ CỦA ĐẠI HỘI

I. Thành phần tham dự

1. Cổ đông hoặc người được ủy quyền bằng văn bản của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 28/3/2023 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam xác nhận.

2. Các ông/bà là thành viên HĐQT, thành viên BKS; Ban Giám đốc, Kế toán trưởng/Người phụ trách công tác Tài chính Kế toán Công ty và Thư ký Công ty.

II. Tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội

1. Đại hội nghe ông Đào Ngọc Minh – Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông thay mặt cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông trình bày Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

- Tính đến thời điểm 17h00' ngày 28/3/2023, số cổ đông của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng có quyền tham dự Đại hội là 464 cổ đông (trong đó có 04 tổ chức, 459 cá nhân trong nước và 01 cá nhân nước ngoài) đại diện cho 43.006.366 cổ phần của Công ty có quyền biểu quyết theo xác nhận của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

- Tính đến thời điểm 14h00" ngày 27/4/2023, số cổ đông và người được ủy quyền đại diện đến tham dự Đại hội là 06 người, đại diện cho 39.030.246 cổ phần, đạt tỷ lệ 90,75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông có mặt đều có đủ tư cách tham dự Đại hội.

2. Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều lệ của Công ty và các văn bản hướng dẫn thi hành, ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.

C. NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

(1) Báo cáo kết quả SXKD, ĐTXD thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022, Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2023.

(2) Báo cáo của HĐQT thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2022 và kế hoạch năm 2023.

(3) Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023.

(4) Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

(5) Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023.

(6) Tờ trình Phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2023.

(7) Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.

(8) Tờ trình Hợp đồng kinh tế mua/bán phôi thép năm 2023-2024 với Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

(9) Tờ trình Phương án sản xuất, khai thác khu Bắc Mỏ sắt Nà Rụa.

(10) Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

D. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

I. Phần khai mạc đại hội

1. Ông Nguyễn Văn Tuấn – Phó Giám đốc Công ty thay mặt cho Ban Tổ chức Đại hội tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, trình bày toàn văn Quy chế tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty.

2. Theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức Đại hội, Ông Bùi Tiến Hải - Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa Đại hội.

3. Ông Bùi Tiến Hải - Chủ tịch HĐQT Công ty - Chủ tọa Đại hội đề nghị các cổ đông tham dự Đại hội cho ý kiến biểu quyết đối với Quy chế tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. (có văn bản trình tại Đại hội).

* Hình thức biểu quyết: Thờ biểu quyết

* Tỷ lệ biểu quyết:

+ Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu hợp lệ: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu tán thành: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết thông qua Quy chế tổ chức Đại hội.

4. Ông Bùi Tiến Hải mời ông Nguyễn Văn Phương - TV HĐQT - Giám đốc Công ty cùng tham gia làm đồng Chủ tọa Đại hội.

5. Ông Bùi Tiến Hải - Chủ tọa Đại hội giới thiệu Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu Đại hội và đề nghị Đại hội biểu quyết thông qua gồm:

5.1. Thành phần Ban thư ký:

- Bà Lê Thị Linh Đa - Thư ký Công ty - Trưởng ban;

- Ông Nông Đình Nghĩa - Phó phòng KHVT - Thành viên.

* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

* Tỷ lệ biểu quyết:

+ Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu hợp lệ: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu tán thành: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết thông qua Ban thư ký Đại hội.

5.2. Thành phần Ban kiểm phiếu:

(1) Ông Thân Văn Tùng - TP Đầu tư Xây dựng Trưởng ban;

(2) Ông Vũ Duy Tín - TP Kế hoạch Vật tư Thành viên;

(3) Ông Hoàng Duy Thắng - PTP KT Cơ điện Thành viên;

(4) Bà Nguyễn Thị Hường - PTP Kế toán Tài chính Thành viên;

(5) Bà Trương Thị Tố Quyên - CV Phòng An toàn MT Thành viên;

(6) Bà Nguyễn Thị Huệ - CV Phòng Kế hoạch Vật tư Thành viên;

(7) Ông Lê Bảo Trung - CV Phòng Tổ chức Hành chính Thành viên.

* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

* Tỷ lệ biểu quyết:

+ Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu hợp lệ: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu tán thành: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết thông qua Ban kiểm phiếu Đại hội.

6. Ông Bùi Tiên Hải - Chủ tọa Đại hội Công bố chương trình Đại hội (*chương trình của Đại hội đã được công bố thông tin theo quy định*) và đề nghị Đại hội biểu quyết về chương trình Đại hội bằng thẻ biểu quyết (*chương trình đã được công bố thông tin về tài liệu Đại hội theo quy định*).

* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

* Tỷ lệ biểu quyết:

+ Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu hợp lệ: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu tán thành: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết thông qua chương trình Đại hội.

II. Nội dung chính Đại hội

1. Báo cáo kết quả SXKD, ĐTXD, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022, Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2023 của Công ty CP Gang thép Cao Bằng. (Có báo cáo trình tại Đại hội)

Ông Nguyễn Văn Phương - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty thay mặt Đoàn Chủ tọa trình bày Báo cáo số 471/BC-GTCB ngày 05/4/2023 về Báo cáo kết quả SXKD, ĐTXD, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022, Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2023 của Công ty CP Gang thép Cao Bằng.

2. Báo cáo của HĐQT thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2022 và kế hoạch năm 2023.

Ông Bùi Tiến Hải - Chủ tịch HĐQT Công ty thay mặt Đoàn Chủ tọa trình bày Báo cáo số 476/BC-GTCB ngày 05/4/2023 về Báo cáo của HĐQT thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2022 và kế hoạch năm 2023 (có báo cáo trình tại Đại hội).

3. (i) Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023; (ii) Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.

Ông Hoàng Văn Sáng – Trưởng Ban kiểm soát Công ty thay mặt Ban kiểm soát trình bày các Báo cáo và Tờ trình:

(i) Báo cáo số 477/BC-GTCB ngày 05/4/2023 về việc Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 (có báo cáo trình tại Đại hội).

(ii) Tờ trình số 25/TTr-GTCB ngày 05/4/2023 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 (có văn bản trình tại Đại hội).

4. (i) Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán; (ii) Phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023; (iii) Chi trả thù lao của HĐQT, BKS Công ty năm 2022 và Kế hoạch năm 2023; (iv) Hợp đồng kinh tế mua/bán phôi thép năm 2023-2024 với Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP; (v) Phương án sản xuất, khai thác khu Bắc Mỏ sắt Nà Rụa.

Ông Nguyễn Văn Phương - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty thay mặt Đoàn Chủ tọa trình bày các Tờ trình:

(i) Tờ trình số 26/TTr-GTCB ngày 05/4/2023 về việc thông qua BC tài chính năm 2022 đã được kiểm toán (nội dung này đã được đăng tải tại Website Công ty).

(ii) Tờ trình số 27/TTr-GTCB ngày 05/4/2023 về việc phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 (có văn bản trình tại Đại hội).

(iii) Tờ trình số 30/TTr-GTCB ngày 05/4/2023 về việc chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2022 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2023 (có văn bản trình tại Đại hội).

(iv) Tờ trình số 28/TTr-GTCB ngày 05/4/2023 về việc thông qua Hợp đồng Kinh tế mua bán phôi thép năm 2023-2024 với Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (có văn bản trình tại Đại hội).

(v) Tờ trình số 29/TTr-GTCB ngày 05/4/2023 về việc thông qua Phương án sản xuất, khai thác khu Bắc Mỏ sắt Nà Rụa (có văn bản trình tại Đại hội).

5. Đại hội đã tiến hành phần thảo luận (từ mục 1 đến mục 4 tại II) trong đó có các nội dung và ý kiến tiêu biểu như sau:

5.1. Ông Nguyễn Ngọc Tuấn người được ủy quyền của cổ đông Công ty CP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (ĐKSH: 510xxxx762 - Sở hữu 4.166.988 CP) và cổ đông Đỗ Quỳnh Anh (ĐKSH: 012xxxx65 - Sở hữu: 1.471.147 CP) đặt câu hỏi:

(1) Công ty có đảm bảo được khả năng đến ngày 23/9/2025 sẽ đưa được quặng sắt khu Bắc vào sản xuất không?

Chủ tọa Đại hội trả lời: Theo tiến độ Công ty đang dự kiến đến 23/9/2025 sẽ triển khai bóc đất đá và khai thác quặng. Tuy nhiên để thực hiện được khu Bắc phụ thuộc lớn nhất là Dự án Tái định cư mỏ sắt Nà Rụa do UBND thành phố làm chủ đầu tư. Công ty sẽ cố gắng bám sát UBND thành phố và các cơ quan quản lý Nhà nước để cố gắng hoàn thành mốc thời gian như đã đặt ra.

(2) Khả năng thu xếp nguồn vốn để triển khai đầu tư tại khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa?

Chủ tọa Đại hội trả lời: Công ty đã có phương án thu xếp nguồn vốn và thực hiện theo NQ ĐHĐCĐ số 1056/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/6/2021 và NQ ĐHĐCĐ số 759/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2022 thông qua các chỉ tiêu SXKD giai đoạn 2022-2027.

5.2. Ông Hoàng Văn Sáng người được ủy quyền của cổ đông Công ty CP Tập đoàn PC1 (ĐKSH: 0100xxxx45 – Sở hữu: 10.788.226 CP) đặt câu hỏi:

(1) Công ty cho biết về tình hình tài chính Tổng công ty Khoáng sản - TKV hỗ trợ Công ty như thế nào?

Chủ tọa Đại hội trả lời: Trong những năm qua Tổng công ty Khoáng sản - TKV đã hỗ trợ Công ty rất nhiều về tài chính. Hỗ trợ qua hình thức tạm ứng tiền hàng, theo Hợp đồng phối hợp kinh doanh, hỗ trợ về tiêu thụ phôi thép trong thị trường nội bộ của Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam.

(2) Phương án sản xuất, khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa:

- Trong tài liệu trình ĐHĐCĐ không logic về diện tích giải phóng mặt bằng?

Chủ tọa Đại hội trả lời: Tại phần Thuyết minh Công ty có nêu tổng diện tích đền bù là 100ha, tuy nhiên tại phần dự toán chi phí Công ty lập 149 ha. Về vấn đề này Công ty có sự sai sót khi soạn thảo văn bản và sẽ chỉnh sửa để khớp lại số liệu.

- Công ty Có thể Giải phóng mặt bằng song song với tái định cư không?

Chủ tọa Đại hội trả lời: Theo quy định của Luật đất đai năm 2013 thì việc giải phóng mặt bằng khu Bắc phải thực hiện sau khi dự án Tái định cư mỏ sắt Nà Rụa xây dựng xong hạ tầng. Do vậy để triển khai thực hiện song song không thể thực hiện được. Công ty sẽ cố gắng làm việc với UBND tỉnh Cao Bằng để xin chủ trương về việc thu hồi phần diện tích khác ngoài diện tích đất ở như đất vườn, đất lâm nghiệp... mà không liên quan đến đất ở của người dân trong quá trình thi công hạ tầng dự án tái định cư mỏ sắt Nà Rụa.

(3) Kế hoạch trả cổ tức các năm tới như thế nào?

Chủ tọa Đại hội trả lời: Với kế hoạch Lợi nhuận sau thuế của là 47,7 tỷ đồng, tuy nhiên do cần nhu cầu cân đối nguồn vốn để chuẩn bị cho hoạt động triển khai khai thác khu Bắc cũng như đảm bảo dòng tiền cho hoạt động SXKD được ổn định. Công ty đã lập kế hoạch tài chính dài hạn 2022-2027 nhằm thực hiện cân đối dòng tiền trong dài hạn, thực hiện phân tích tình huống nhằm kiểm tra khả năng cân đối tài chính trong những bối cảnh ngành và nền kinh tế gặp khó khăn. Công ty sẽ không thực hiện chi trả cổ tức năm 2023 và sẽ xem xét phương án trong các năm tiếp theo.

- Công ty vừa miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng vậy Công ty đã chuẩn bị nhân sự để thay thế chưa?

Chủ tọa Đại hội trả lời: Ngày 18/4/2023 HĐQT Công ty đã ban hành Nghị quyết số 538/NQ-GTCB-HĐQT về việc miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty và giao nhiệm vụ phụ trách công tác Tài chính Kế toán công ty. Theo đó ông Đỗ Ngọc Hải sẽ miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty kể từ ngày 18/4/2023 và bà Nguyễn Thị Hương sẽ nhận nhiệm vụ phụ trách công tác Tài chính Kế toán Công ty từ ngày 18/4/2023 đến khi có quyết định bổ nhiệm Kế toán trưởng mới. Nếu trong thời gian nhận nhiệm vụ bà Nguyễn Thị Hương có khả năng đáp ứng, đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty sẽ xem xét để bổ nhiệm, còn không sẽ tiến hành tìm kiếm nhân sự để bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty, các cổ đông có thể giới thiệu nhân sự cho Công ty.

Chủ tọa Đại hội đã giải đáp tất cả các ý kiến của cổ đông. Tất cả các cổ đông nhất trí với nội dung, ý kiến trao đổi của Chủ tọa Đại hội và không có ý kiến gì thêm.

6. Đại hội tiến hành biểu quyết bằng thẻ biểu quyết thông qua nội dung các Báo cáo và Tờ trình (từ mục 1 đến mục 4 tại II)

Sau phần thảo luận, dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa, Ông Bùi Tiến Hải đề nghị Đại hội tiến hành biểu quyết bằng thẻ biểu quyết theo từng nội dung đã được quy định tại Chương trình Đại hội. Ban kiểm phiếu đã tiến hành làm việc.

(1) Thông qua Báo cáo kết quả SXKD, ĐTXD, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCD năm 2022, Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2023 của Công ty CP Gang thép Cao Bằng.

* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

* Tỷ lệ biểu quyết:

+ Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu hợp lệ: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu tán thành: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết tán thành.

(2) Thông qua Báo cáo của HĐQT thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2022 và kế hoạch năm 2023.

* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

* Tỷ lệ biểu quyết:

+ Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu hợp lệ: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu tán thành: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết tán thành.

(3) Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023.

* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

* Tỷ lệ biểu quyết:

+ Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu hợp lệ: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu tán thành: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết tán thành.

(4) Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.

* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

* Tỷ lệ biểu quyết:

+ Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu hợp lệ: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu tán thành: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết tán thành.

(5) Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

* Tỷ lệ biểu quyết:

+ Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu hợp lệ: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu tán thành: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết tán thành.

(6) *Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023.*

* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

* Tỷ lệ biểu quyết:

+ Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu hợp lệ: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu tán thành: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết tán thành.

(7) *Thông qua việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2023.*

* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

* Tỷ lệ biểu quyết:

+ Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu hợp lệ: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu tán thành: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết tán thành.

(8) *Thông qua Hợp đồng kinh tế mua/bán phôi thép năm 2023-2024 với Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.*

* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

* Tỷ lệ biểu quyết:

+ Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 16.434.826 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 42,1% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp (sau khi tách 22.595.420 phiếu thuộc sở hữu của TCT Khoáng sản TKV), đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu hợp lệ: 16.434.826 phiếu/16.434.826 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu/16.434.826 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu tán thành: 16.434.826 phiếu/16.434.826 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu/16.434.826 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu/16.434.826 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết tán thành.

(9) Thông qua Phương án sản xuất, khai thác khu Bắc Mỏ sắt Nà Rua.

* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

* Tỷ lệ biểu quyết:

+ Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu hợp lệ: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu tán thành: 34.863.258 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 89,32% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

+ Tổng số phiếu không có ý kiến: 4.166.988 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 10,68% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Kết quả: 89,32% số phiếu có quyền biểu quyết tán thành.

7. Đại hội tiến hành nghỉ giải lao 15 phút.

8. Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu.

- Ông Bùi Tiến Hải - Chủ tọa đại hội mời Ban kiểm phiếu lên công bố Biên bản kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung, tờ trình nêu trên.

- Ông Thân Văn Tùng - Trưởng ban kiểm phiếu trình bày Biên bản kiểm phiếu biểu quyết các nội dung đã được trình bày tại Đại hội (có biên bản kiểm phiếu kèm theo).

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều lệ của Công ty và Quy chế tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023; Căn cứ kết quả ghi tại Biên bản kiểm phiếu/thẻ biểu quyết. Chủ tọa Đại hội kết luận những vấn đề đã được Đại hội thông qua.

9. Các nội dung được Đại hội thông qua gồm:

9.1. Tán thành Báo cáo số 471/BC-GTCB ngày 05/4/2023 về Báo cáo kết quả SXKD, ĐTXD, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022, Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2023 của Công ty CP Gang thép Cao Bằng, với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

(1) Kết quả thực hiện chỉ tiêu SXKD, ĐTXD chủ yếu năm 2022:

- Doanh thu: 2.133 tỷ đồng bằng 60%KH năm; 101%KHĐC;
- Lợi nhuận trước thuế: 6,09 tỷ đồng bằng 6%KH năm; 122%KHĐC;
- Lợi nhuận sau thuế: 7,7 tỷ đồng bằng 9%KH năm; 74%KHĐC;
- Nộp ngân sách: 61,8 tỷ đồng bằng 67%KH năm; 124%KHĐC;
- Tổng quỹ tiền lương: 95 tỷ đồng bằng 82,61%KH năm; 99,84%KHĐC;
- Tiền lương bình quân: 10,15 tr.đ/ng-thg bằng 88%KH năm; 99,51%KHĐC;
- Phôi thép sản xuất: 145.006 tấn bằng 66%KH năm; 103%KHĐC;
- Phôi thép tiêu thụ: 140.311 tấn bằng 62%KH năm; 101%KHĐC;
- Đầu tư xây dựng: 5,57 tỷ đồng bằng 27,35%KH năm.

(2) Chỉ tiêu Kế hoạch SXKD, ĐTXD chủ yếu năm 2023:

- Doanh thu: 3.413,3 tỷ đồng bằng 160% so với TH năm 2022;
- Lợi nhuận trước thuế: 50,2 tỷ đồng bằng 826% so với TH năm 2022;
- Lợi nhuận sau thuế: 47,7 tỷ đồng bằng 616% so với TH năm 2022;
- Nộp ngân sách: 91,05 tỷ đồng bằng 147% so với TH năm 2022;
- Tổng quỹ lương: 112,8 tỷ đồng bằng 119% so với TH năm 2022;
- Tiền lương bình quân: 11,75 tr.đồng/ng-tháng bằng 116% so với TH năm 2022;
- Phôi thép sản xuất: 220.000 tấn bằng 152% so với TH năm 2022;
- Phôi thép tiêu thụ: 230.000 tấn bằng 164% so với TH năm 2022;
- Đầu tư xây dựng: 24,6 tỷ đồng bằng 441% so với TH năm 2022.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch, căn cứ vào tình hình thực tế, biến động giá cả của thị trường chủ động điều chỉnh kế hoạch phù hợp nhằm đảm bảo được mục tiêu kế hoạch lợi nhuận, duy trì sản xuất ổn định, bảo toàn và phát triển vốn.

9.2. Tán thành Báo cáo số 476/BC-GTCB ngày 05/4/2023 của HĐQT về thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2022 và kế hoạch năm 2023.

9.3. Tán thành Báo cáo số 477/BC-GTCB ngày 05/4/2023 của Ban kiểm soát về Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023.

9.4. Tán thành Tờ trình số 25/TTr-GTCB ngày 05/4/2023 của Ban kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.

9.5. Tán thành Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

9.6. Tán thành Tờ trình số 27/TTr-GTCB ngày 05/4/2023 về việc phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023.

9.7. Tán thành Tờ trình số 30/TTr-GTCB ngày 05/4/2023 về việc chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2022 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2023.

Mức thù lao trên chỉ là dự kiến, mức thực tế chi trả cho HĐQT và BKS sẽ được xác định dựa vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty.

9.8. Tán thành Tờ trình số 28/TTr-GTCB ngày 05/4/2023 về việc thông qua Hợp đồng Kinh tế mua bán phôi thép năm 2023-2024 với Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

Hợp đồng kinh tế được ký kết trên cơ sở Điều lệ Công ty và nguyên tắc công khai, minh bạch, giá thị trường. Đại hội đồng cổ đông giao Giám đốc Công ty phê duyệt kế hoạch và phương thức tiêu thụ sản phẩm, ký kết, thực hiện Hợp đồng kinh tế mua bán phôi thép năm 2023-2024 với Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty, quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

9.9. Tán thành Tờ trình số 29/TTr-GTCB ngày 05/4/2023 về việc thông qua Phương án sản xuất, khai thác khu Bắc Mỏ sắt Nà Rụa.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty trong quá trình triển khai thực hiện Phương án sản xuất, khai thác khu Bắc Mỏ sắt Nà Rụa căn cứ vào tình hình tài chính, tình hình thực tế của Công ty triển khai thực hiện đảm bảo mục tiêu sản xuất kinh của Công ty và theo đúng quy định. Hội đồng quản trị Công ty được quyết định những vấn đề liên quan để triển khai Phương án sản xuất, khai thác khu Bắc Mỏ sắt Nà Rụa và báo cáo kết quả thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm cho đến khi thực hiện xong.

10. Thông qua biên bản đại hội

10.1. Ông Nông Đình Nghĩa - Thay mặt Ban thư ký trình bày trước Đại hội toàn văn dự thảo Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

10.2. Ông Bùi Tiến Hải - Chủ tọa Đại hội đề nghị Đại hội cho ý kiến biểu quyết với nội dung dự thảo Biên bản Đại hội.

- Ý kiến thảo luận về Biên bản Đại hội: Không có

10.3. Ông Bùi Tiến Hải - Chủ tọa Đại hội đề nghị Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản Đại hội.

* Hình thức biểu quyết: Thờ biểu quyết

*** Tỷ lệ biểu quyết:**

- + Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
 - + Tổng số phiếu hợp lệ: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
 - + Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
 - + Tổng số phiếu tán thành: 39.030.246 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
 - + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
 - + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu/39.030.246 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết tán thành thông qua Biên bản Đại hội.

11. Bế mạc đại hội

Ông Bùi Tiến Hải - Chủ tọa Đại hội tuyên bố bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Toàn văn biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty đã được biểu quyết thông qua với sự chấp thuận của 100% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Đại hội kết thúc vào lúc 16 giờ 25 phút ngày 27 tháng 4 năm 2023 ngay sau khi ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng kết thúc chương trình nghị sự.

Biên bản Đại hội được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau và được công bố thông tin theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 bế mạc lúc 16 giờ 35 phút ngày 27 tháng 4 năm 2023./.

**TM. BAN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN**



Lê Thị Linh Đa

**TM. BAN CHỦ TỌA ĐHĐCĐ
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Bùi Tiến Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT, KHAI THÁC KHU BẮC
MỎ SẮT NÀ RỪA**

THUYẾT MINH

Tháng 2/2023

THÀNH PHẦN HỒ SƠ

A: THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN VÀ CÁC CĂN CỨ KÈM THEO

B: DỰ TOÁN

C: BẢN VẼ

**+ TUYẾN ĐƯỜNG ĐỔ THẢI PHỤC VỤ CÔNG TÁC ĐỔ THẢI
BÃI THẢI SỐ 3.**

+ NẢN SUỐI GÒONG

+ ĐÊ CHẢN CHÂN BÃI THẢI SỐ 03

+ BẢN VẼ KHAI THÁC KHU BẮC NĂM THỨ NHẤT



MỤC LỤC THUYẾT MINH

I. Các căn cứ để lập phương án khai thác khu Bắc	4
1. Tổng hợp chi phí thực hiện khu Bắc	5
II. Phương án sản xuất, khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rạ.....	6
1. Công tác triển khai Đền bù GPMB phục vụ khai thác khu Bắc.	6
2. Công tác chuẩn bị bóc thải đất đá.	6
3. Xây dựng các công trình phụ trợ.....	6
4. Triển khai bóc đất đá, khai thác quặng theo kế hoạch.....	6



I. Các căn cứ để lập phương án khai thác khu Bắc

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;
- Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số: 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất.
- Nghị định số: 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.
- Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Thông tư số: 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về phương pháp định giá đất, xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất.
- Thông tư số: 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- Quyết định số: 2063/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND thành phố Cao Bằng Ban hành Quy trình hướng dẫn thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cao Bằng;
- Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 của UBND tỉnh Cao Bằng Ban hành Quy định việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;
- Quyết định số: 28/2021/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của tỉnh Cao Bằng về việc Ban hành Quy định Bảng giá đất năm 2020 – 2024 tại tỉnh Cao Bằng.
- Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 về việc Lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.
- Căn cứ Nghị quyết số: 12/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa, TP.Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng và tiến độ thực hiện dự án.
- Căn cứ công văn số 445/GTCB-KTTC ngày 09/3/2022 của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng về việc xin ý kiến hỗ trợ triển khai thực hiện Dự án tái định cư phục vụ GPMB dự án khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa gửi UBND tỉnh Cao Bằng.

224
 STY
 HÂN
 TH
 BẮC
 ANH-T

1. Tổng hợp chi phí thực hiện khu Bắc

DVT: đồng

STT	CHI PHÍ THỰC HIỆN KHU BẮC	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
A	Chi phí GPMB khu Bắc + Các bãi thải	826.724.495.564	
1	Đất đai	386.077.161.940	
2	Tài sản, vật kiến trúc	215.856.201.120	
3	Mồ mả	3.009.163.000	
4	Hoa màu, cây cối, thủy sản	2.572.677.341	
5	Chính sách hỗ trợ	122.084.527.900	
6	Chi phí phục vụ cho công tác bồi thường	21.967.991.939	
7	Chi phí phục vụ cho việc cưỡng chế	2.196.799.194	
8	Chi phí dự phòng cho yếu tố phát sinh khối lượng	72.959.973.130	
B	Dự án khu Tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	50.232.932.000	
1	Hỗ trợ khoản chi phí (GPMB - TĐC do tỉnh Cao Bằng làm chủ đầu tư)	50.232.932.000	Công ty CP Gang thép Cao Bằng hỗ trợ tỉnh chi phí
2	Chi phí xây dựng	192.608.054.000	Nguồn vốn cho UBND tỉnh Cao Bằng thực hiện
3	Chi phí trang thiết bị	3.424.566.000	
4	Chi phí quản lý dự án	3.072.223.000	
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	8.395.749.000	
6	Chi phí khác	3.681.786.000	
7	Chi phí dự phòng	21.810.085.000	
C	Chi phí Bóc đất đá	249.386.804.681	
D	Các hạng mục phụ trợ	15.878.916.314	
1	Tuyến đường phục vụ công tác đổ thải, bãi thải số 3	1.855.915.467	
2	Đê chắn chân bãi thải số 3	3.015.753.000	
3	Nắn suối Goong	9.563.710.000	
4	Chi phí dự phòng cho yếu tố phát sinh khối lượng	1.443.537.847	
	Tổng cộng	1.142.223.148.559	

Bằng chữ: Một nghìn, một trăm bốn hai tỷ, hai trăm hai ba triệu, một trăm bốn tám nghìn, năm trăm năm chín đồng ./.



(Chi tiết có Hồ sơ Dự toán phương án sản xuất, khai thác khu Bắc kèm theo thuyết minh này).

Lưu ý: Giá trị Dự toán GPMB được tính trên cơ sở đơn giá tỉnh Cao Bằng ban hành giai đoạn 2020 – 2024. Trong giai đoạn đền bù GPMB thực hiện điều chỉnh theo Luật, các quy định tại thời điểm (nếu có).

II. Phương án sản xuất, khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa.

1. Công tác triển khai Đền bù GPMB phục vụ khai thác khu Bắc.

Tổng diện tích Đền bù GPMB: 149,2 ha, bao gồm các hạng mục:

- Hạng mục Đền bù GPMB các bãi thải (58,7 ha).
- Hạng mục Đền bù GPMB khai trường khu Bắc: 75,4 ha.
- Hạng mục Đền bù GPMB khu Tái định cư Mỏ sắt Nà Rụa (15,1ha).

2. Công tác chuẩn bị bóc thải đất đá.

- Thực hiện rà phá bom, mìn, thi công bóc đất đá (Thực hiện đồng thời với công tác chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ).
- Thực hiện nổ mìn phá vỡ đất đá, quặng.

3. Xây dựng các công trình phụ trợ.

- + Đắp đê chắn chân bãi thải số 3.
- + Nắn suối Gòong.
- + Tuyến đường phục vụ công tác đổ thải – Bãi thải số 3.

(Chi tiết có thiết kế bản vẽ thi công kèm theo)

4. Triển khai bóc đất đá, khai thác quặng theo kế hoạch

+ Chuẩn bị mặt bằng thi công: Thu dọn mặt bằng, di dời các công trình, nhà ở, cây cối đã đền bù GPMB, tháo khô thoát nước mặt.

+ Từ năm thứ 1 đến năm thứ 5 tiến hành bóc đất đá, khai thác quặng tại khai trường khu Bắc đến mức + 90. Trong năm thứ nhất tiến hành bóc đất đá tầng +220 đến tầng +150 bờ trụ, đưa các tầng trên về biên giới kết thúc nhằm hoàn trả mặt bằng để xây dựng đoạn đường thuộc tuyến đường nối QL.3 và QL.4 (Đoạn tránh qua TP. Cao Bằng) đi qua bờ trụ của mỏ. Từ năm thứ hai tiếp tục triển khai GPMB khu Bắc phần còn lại.

- Khối lượng bóc đất đá đến khi khai thác ra quặng sắt: 3.000.000 m³ (Năm thứ nhất 2.200.000 m³, 3 tháng đầu năm thứ hai bóc 800.000 m³).

- Từ các năm tiếp theo trở đi mỗi năm bóc khoảng 2.500.000 m³.

+ Vị trí đổ thải: Mức +220 đến + 380 Bãi thải số 3 (nằm ở phía Nam khai trường khu Bắc, thuộc thung lũng suối Gòong trái dài theo sườn từ Bắc xuống Nam của dãy núi). Khối lượng đổ thải: 8.851.944 m³, diện tích chiếm đất bề mặt: 48,56 ha; mức + 220 đến + 280;

Đối với khu Nam tiếp tục khai thác triệt để các ô, mạch quặng, làm thủ tục quyết toán tài nguyên; lập Đề án đóng cửa mỏ để đổ thải, cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của Luật Khoáng sản.